

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CƠ QUAN HỢP TÁC KỸ THUẬT BỈ

**DỰ ÁN VIỆT - BỈ
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN TIỂU HỌC,
TRUNG HỌC CƠ SỞ CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM**

BÁO CÁO TỔNG HỢP

KẾT QUẢ GIÁM SÁT, HỖ TRỢ ÁP DỤNG DẠY VÀ HỌC TÍCH CỰC TẠI 14 TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC



**THỜI GIAN : THÁNG 3 - 5/2007
HÀ NỘI, THÁNG 8/2007**

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt

BQL

BGH

CĐSP

DA

D&HTC

ĐT&BD

ĐMPPDH

ĐDDH

GD&ĐT

GD

GV

gv

HS

PPDH

PTNN

PTDTNT

SV

SP

THCS

TBDH

Viết đầy đủ

Ban quản lý

Ban giám hiệu

Cao đẳng sư phạm

Dự án

Dạy và học tích cực

Đào tạo và bồi dưỡng

Đổi mới phương pháp dạy học

Đồ dùng dạy học

Giáo dục và Đào tạo

Giáo dục

Giảng viên

Giáo viên

Học sinh

Phương pháp dạy học

Phương tiện nghe nhìn

Phổ thông dân tộc nội trú

Sinh viên

Sư phạm

Trung học cơ sở

Thiết bị dạy học

BÁO CÁO TỔNG HỢP
KẾT QUẢ GIÁM SÁT, HỖ TRỢ ÁP DỤNG DẠY VÀ HỌC TÍCH CỰC
TẠI 14 TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC
(Thời gian: từ 28/3 đến 12/5/2007)

PHẦN I. TỔNG QUAN

Thực hiện chủ trương xóa bỏ các hiện tượng dạy - học thụ động và giúp các trường thuộc DA triển khai tốt D&HTC , Ban quản lý DA Việt - Bỉ

“ Nâng cao chất lượng đào tạo , bồi dưỡng giáo viên Tiểu học , THCS các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam “ đã tổ chức khóa tập huấn về đổi mới PPDH và sử dụng TBDH cho tất cả GV CĐSP, gv của trường thực hành sư phạm (TH, THCS, PTDTNT) tại 14 tỉnh miền núi phía Bắc (tháng 8/2006) với *mục tiêu* :

Sau khóa tập huấn học viên có khả năng :

- Cập nhật và hệ thống hóa kiến thức về D&HTC. Vận dụng D&HTC trong các môn học ở CĐSP, TH, THCS, PTDTNT.
- Sử dụng có hiệu quả một số phương tiện nghe nhìn trong D&HTC.
- Nâng cao hiểu biết về dạy học vi mô. Rèn luyện một số kỹ năng sư phạm: kỹ năng sử dụng máy chiếu qua đầu , Video, tivi; Kỹ năng đặt câu hỏi, Kỹ năng lắng nghe và phản hồi tích cực...
- Sử dụng có hiệu quả ĐDDH tối thiểu do bộ GD&ĐT quy định, và thiết bị nghe nhìn.
- Nâng cao năng lực áp dụng D&HTC vào thực tế dạy học ở các trường CĐSP, TH, THCS và PTDTNT.

Từ tháng 9/2006 tất cả GV sư phạm , gv các trường thực hành sư phạm (TH, THCS, PTDTNT) đã thực hiện áp dụng D&HTC vào các môn học, bài học cụ thể, sử dụng mẫu kế hoạch bài học theo hướng đổi mới.

Sau một năm học áp dụng D&HTC, tháng 4 - 5 năm 2007 Dự án tổ chức các đoàn chuyên gia công tác tại 14 tỉnh nhằm giám sát, hỗ trợ GV, gv về việc thực hiện ĐMPPDH theo hướng tích cực.

I. MỤC ĐÍCH

1. Giám sát việc áp dụng D&HTC của GV các trường CĐSP,gv các trường thực hành sư phạm (TH, THCS, PTDTNT) tại 14 tỉnh miền núi phía Bắc.
2. Hỗ trợ GV, gv thực hiện tốt D&HTC. Giải đáp những băn khoăn, vướng mắc của GV, gv khi thực hiện D&HTC .
3. Khuyến nghị với lãnh đạo nhà trường về tổ chức và quản lý việc thực hiện D&HTC.
4. Đánh giá chung về việc thực hiện D&HTC tại 14 tỉnh từ đó đưa ra những kiến nghị và đề xuất với Ban quản lý DA nhằm duy trì và phát triển D&HTC tại 14 tỉnh tham gia DA.

II. PHƯƠNG THỨC LÀM VIỆC

1. Dự giờ theo thời khóa biểu (không báo trước) . Mời tổ chuyên môn cùng dự.

2. Trao đổi trực tiếp với GV, gv và tổ chuyên môn về ưu điểm, hạn chế của giờ học trong việc tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng tích cực, định hướng giải pháp cho các giờ dạy sau.
3. Trao đổi với lãnh đạo nhà trường kiến nghị về tổ chức và quản lý việc áp dụng D&HTC.
4. Báo cáo tổng hợp, giám sát, kiến nghị và đề xuất với DA các giải pháp nhằm khắc phục hạn chế và nâng cao kỹ năng, áp dụng D&HTC.

III. LỰC LƯỢNG THAM GIA GIÁM SÁT, HỖ TRỢ

- Cán bộ DA.
- Các chuyên gia tư vấn của DA.
- Chuyên viên Vụ Giáo dục Trung học, Bộ GD&ĐT.
- Cán bộ nghiên cứu Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục.
- Lãnh đạo và cán bộ Trung tâm nghiên cứu giáo viên, Đại học Sư phạm Hà Nội
- GV trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- GV Đại học nghệ thuật Trung ương.
- Cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, Hà Tây

IV. NHIỆM VỤ CỦA CHUYÊN GIA GIÁM SÁT, HỖ TRỢ

- Dự giờ GV các trường CĐSP, gv các trường thực hành sư phạm (TH, THCS, PTDTNT)
- Góp ý cụ thể, trực tiếp với GV, gv về giờ dạy (ưu điểm, nhược điểm, giải pháp, rút kinh nghiệm cho lần dạy sau) trọng tâm tập trung vào phương pháp dạy học (tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng tích cực, sử dụng ĐDDH ...). Giải đáp băn khoăn của GV, gv về D&HTC.
- Ghi chép đầy đủ phiếu dự giờ, đánh giá giờ dạy. Báo cáo kết quả kiểm tra, hỗ trợ từng ngày .
- Đưa ra các kiến nghị đối với Ban giám hiệu nhằm thực hiện và quản lý D&HTC tốt hơn.
- Trao đổi thống nhất ý kiến trong nhóm, lập báo cáo tổng hợp.

V. KẾ HOẠCH CỤ THỂ

1. Tổ chức 9 đoàn chuyên gia giám sát về 14 tỉnh:

- Đoàn Lào Cai-Lai Châu (1 -15/4/2007)
- Đoàn Hà Giang-Tuyên Quang (1 -15/4/2007)
- Đoàn Quảng Ninh (28 - 31/3/2007)
- Đoàn Lạng Sơn (2 - 7/4/2007)
- Đoàn Điện Biên-Sơn La (8 - 22/4/2007)
- Đoàn Thái Nguyên (9 - 14/4/2007)
- Đoàn Phú Thọ (17 - 21/4/2007)
- Đoàn Hòa Bình-Cao Bằng-Bắc Cạn (3 -12/5/2007)
- Đoàn Yên Bái (2 - 5/5/2007)

2. Thời gian làm việc tại mỗi tỉnh 6 ngày

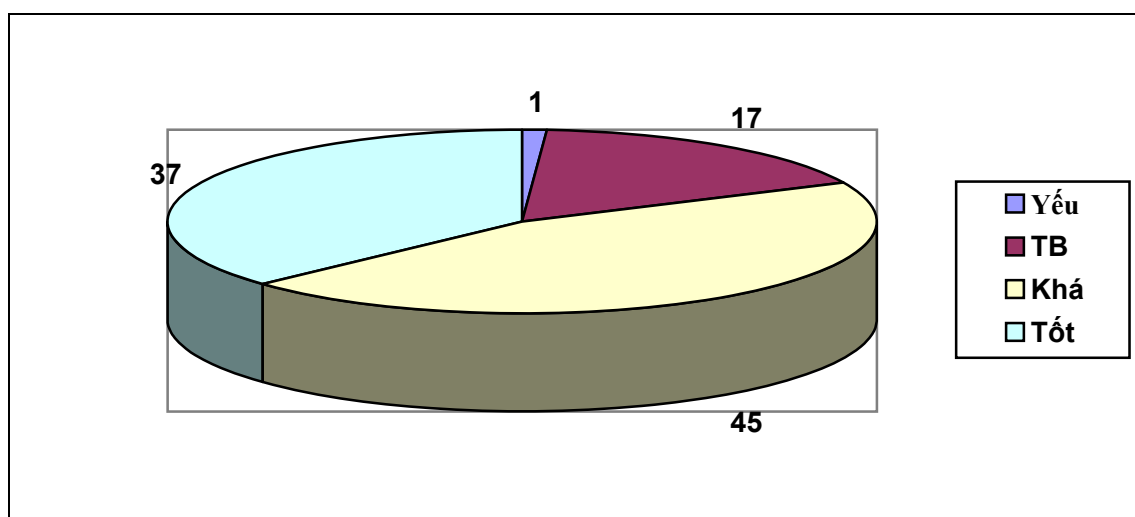
Tại mỗi tỉnh làm việc với trường CĐSP 2 ngày, trường thực hành SP TH

1 ngày, trường thực hành SP THCS 1 ngày, trường PTDTNT 2 ngày.

(Riêng 3 tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, Hòa Bình làm việc 2 ngày với trường CĐSP, không làm việc với trường THSP vì thời gian này HS phổ thông đang ôn tập, kiểm tra cuối năm. Tỉnh Lai Châu do mới tách tỉnh nên chưa có trường CĐSP).
 3. Tháng 8/2007 tổ chức Hội nghị tổng kết.

PHẦN II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIỜ HỌC

BẢNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ GIỜ DỰ TẠI CÁC TRƯỜNG SP VÀ THSP 14 TỈNH						
Tỉnh	Số giờ dự	xếp loại				
		Yếu (1)	TB (2)	Khá (3)	Tốt (4)	
1. Bắc Kạn	10	0	5	5	0	
2. Cao Bằng	17	0	8	9	0	
3. Điện Biên	84	1	8	39	36	
4. Hà Giang	81	0	21	44	16	
5. Hòa Bình	30	0	13	15	2	
6. Lai Châu	70	0	5	28	37	
7. Lạng Sơn	72	2	17	38	15	
8. Lào Cai	76	0	6	27	43	
9. Phú Thọ	70	0	13	29	28	
10. Quảng Ninh	37	2	3	10	22	
11. Sơn La	85	0	4	35	46	
12. Thái Nguyên	81	1	8	37	35	
13. Tuyên Quang	74	1	15	39	19	
14. Yên Bái	30	2	12	15	1	
Tổng	Số tiết	817	9	138	370	300
	%	100	1	17	45	37



Hình 1. Phân bố giờ dự theo xếp loại (%)

Tại 14 tỉnh các đoàn chuyên gia đã dự tổng số 817 giờ trong đó có 315 giờ ở các trường CĐSP, 142 giờ ở các trường TH, 177 giờ ở các trường THCS và 183 giờ ở các trường PTDTNT.

Kết quả: 300 giờ đạt loại tốt (37%), 370 giờ đạt loại khá (45%), 138 giờ trung bình (17%) và 9 giờ yếu (1%). Tổng số có 82% số giờ dự đạt loại khá và tốt.

BẢNG 2. THÔNG TIN CHUNG VỀ GIỜ DỰ TẠI 12 TRƯỜNG CĐSP VÀ ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG						
<i>TTMn trường C^{SSP}</i>	<i>Số giờ dự</i>	<i>x'p lo^{ai}</i>				
		<i>Yếu (1)</i>	<i>TB (2)</i>	<i>Khá (3)</i>	<i>Tốt (4)</i>	
1. Bắc Kạn	10	0	5	5	0	
2. Cao Bằng	17	0	8	9	0	
3. Điện Biên	30	1	4	11	14	
4. Hà Giang	25	0	14	7	4	
5. Hoà Bình	30	0	13	15	2	
6. Lai Châu	0					
7. Lạng Sơn	28	2	6	18	2	
8. Lào Cai	26	0	2	11	13	
9. Hùng Vương, Phú Thọ	27	0	6	10	11	
10. Quảng Ninh	11	0	0	4	7	
11. Sơn La	28	0	2	14	12	
12. Thái Nguyên	27	1	5	14	7	
13. Tuyên Quang	26	0	13	10	3	
14. Yên Bái	30	2	12	15	1	
Tổng	Số tiết	315	6	90	143	76
	%	100	2	29	45	24

Đoàn chuyên gia đã dự 315 giờ tại 12 trường CĐSP (tỉnh Lai Châu hiện chưa có trường CĐSP) và Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ.

Kết quả: 76 giờ đạt loại tốt (24%) , 143 giờ đạt loại khá (45%), 90 giờ trung bình (29%), 6 giờ yếu (2%).

Riêng Đại học Hùng Vương , dự 27 giờ , trong đó 11 giờ đạt loại tốt (40 %), 10 giờ đạt loại khá (37%), 6 giờ trung bình (23%) , không có giờ xếp loại yếu.

BẢNG 3. THÔNG TIN CHUNG VỀ GIỜ DỰ TẠI 10 TRƯỜNG TH						
<i>TTMn trường tiểu học</i>		<i>Số giờ dự</i>	<i>x'p loãi</i>			
			<i>Yếu (1)</i>	<i>TB (2)</i>	<i>Khá (3)</i>	<i>Tốt (4)</i>
1. Bắc cạn		0				
2. Cao bằng		0				
3. Điện Biên		15	0	0	9	6
4. Hà Giang		12	0	0	8	4
5. Hoà Bình		0				
6. Lai Châu		23	0	1	9	13
7. Lạng Sơn		12	0	0	6	6
8. Lào Cai		14	0	1	4	9
9. Hùng Vương, Phú Thọ		15	0	4	5	6
10. Quảng Ninh		9	0	0	0	9
11. Sơn La		15	0	1	6	8
12. Thái Nguyên		15	0	0	11	4
13. Tuyên Quang		12	0	0	6	6
14. Yên Bái		0				
Tổng	Số tiết	142	0	7	64	71
	%	100	0	5	45	50

Tại 10 trường Tiểu học (không dự giờ tại 4 tỉnh Bắc cạn, Cao bằng, Hòa Bình , Yên Bái vì trong thời gian này các trường đang ôn tập cuối năm) đã dự 142 giờ , trong đó có 71 giờ đạt loại tốt (50%), 64 giờ đạt loại khá (45%), có 7 giờ trung bình (5%) , không có giờ xếp loại yếu. Tổng số có 95% số giờ ở TH đạt loại khá và tốt.

BẢNG 4. THÔNG TIN CHUNG VỀ GIỜ DỰ TẠI 10 TRƯỜNG THCS						
<i>TTMn trường Trung học cơ sở</i>		<i>Số giờ dự</i>	<i>X'p loãi</i>			
			<i>Yếu (1)</i>	<i>TB (2)</i>	<i>Khá (3)</i>	<i>Tốt (4)</i>
1. Bắc Kạn		0				
2. Cao Bằng		0				
3. Điện Biên		27	0	4	14	9
4. Hà Giang		16	0	3	9	4
5. Hoà Bình		0				
6. Lai Châu		24	0	0	10	14
7. Lạng Sơn		15	0	1	9	5
8. Lào Cai		15	0	1	6	8
9. Hùng Vương, Phú Thọ		15	0	1	9	5
10. Quảng Ninh		9	0	3	2	4
11. Sơn La		30	0	1	9	20
12. Thái Nguyên		14	0	2	6	6
13. Tuyên Quang		12	1	1	7	3
14. Yên Bái		0				
Tổng	Số tiết	177	1	17	81	78
	%	100	0,5	9,5	46	44

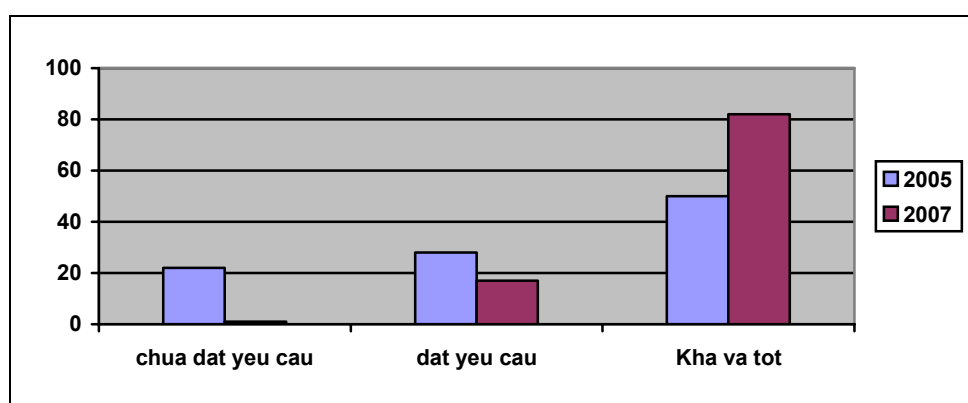
Cũng như TH, ở THCS đoàn chuyên gia chỉ dự ở 10 tỉnh . Tổng số dự 177 giờ, trong đó 78 giờ đạt loại tốt (44%), 81 giờ đạt loại khá (46%), 17 giờ đạt trung bình (9,5%), có 1 giờ xếp loại yếu (0,5%).

Tổng số có 90% số giờ dự đạt loại khá và tốt.

BẢNG 5. THÔNG TIN CHUNG VỀ GIỜ DỰ TẠI 10 TRƯỜNG PTDTNT						
<i>Trưởng PTDTNT tỉnh</i>	<i>Số giờ dự</i>	<i>X'p loãi</i>				
		<i>Yếu (1)</i>	<i>TB (2)</i>	<i>Khá (3)</i>	<i>Tốt (4)</i>	
1. Bắc Kạn	0					
2. Cao Bằng	0					
3. Điện Biên	12	0	0	5	7	
4. Hà Giang	28	0	4	20	4	
5. Hoà Bình	0					
6. Lai Châu	23	0	4	9	10	
7. Lạng Sơn	17	0	10	5	2	
8. Lào Cai	21	0	2	6	13	
9. Hùng Vương, Phú Thọ	13	0	2	5	6	
10. Quảng Ninh	8	2	0	4	2	
11. Sơn La	12	0	0	6	6	
12. Thái Nguyên	25	0	1	6	18	
13. Tuyên Quang	24	0	1	16	7	
14. Yên Bái	0					
Tổng	Số tiết	183	2	24	82	75
	%	100	1	13	45	41

Đoàn chuyên gia đã dự 183 giờ tại 10 trường PTDTNT, trong đó 75 giờ đạt loại tốt (41%), 82 giờ đạt loại khá (45%), 24 giờ đạt trung bình (13%) và 2 giờ yếu (1%). Tổng số có 86% đạt loại khá và tốt.

BẢNG 6. SO SÁNH KẾT QUẢ GIỜ DỰ QUA KHẢO SÁT BAN ĐẦU THÁNG 10-12/2005 VÀ GIÁM SÁT HỖ TRỢ SAU 1 NĂM THỰC HIỆN, THÁNG 3-5/2007 TẠI CÁC TRƯỜNG SP VÀ THSP CỦA 14 TỈNH				
Năm	Tổng số giờ dự	Xếp loại		
		Chưa đạt yêu cầu	Đạt yêu cầu	Khá và tốt
2005	347	22%	28%	50%
2007	817	1%	17%	82%



Hình 2. So sánh kết quả giờ dự qua khảo sát tháng 10 - 12/2005 và giám sát hỗ trợ tháng 3-5/2007

Tháng 10 -12/ 2005 DA đã tổ chức khảo sát cơ bản tại 14 tỉnh miền núi phía Bắc. Nhằm có được các số liệu, thông tin chính xác, cụ thể về thực tế ĐMPPDH tại các trường CĐSP, thực hành sư phạm (TH, THCS, PTDTNT). Đoàn khảo sát đã dự 347 giờ, trong đó có: 50% đạt khá và tốt, 28% đạt yêu cầu và 22% chưa đạt yêu cầu

Sau 1 năm học thực hiện áp dụng D&HTC , DA tiến hành tổ chức giám sát hỗ trợ tại 14 tỉnh miền núi phía Bắc. Qua 817 giờ dạy, có 82% giờ đạt loại khá và tốt, 17% đạt yêu cầu và 1% xếp loại yếu.

BẢNG 7. SO SÁNH KẾT QUẢ GIỜ DỰ QUA KHẢO SÁT BAN ĐẦU THÁNG 10-12/2005 VÀ GIÁM SÁT HỖ TRỢ SAU 1 NĂM THỰC HIỆN, THÁNG 3-5/2007 TẠI CÁC TRƯỜNG SP VÀ THSP CỦA 14 TỈNH (THEO CẤP HỌC)								
TRƯỜNG	SỐ GIỜ DỰ		XẾP LOẠI					
	Năm 2005	Năm 2007	Chưa đạt yêu cầu (%)		Đạt yêu cầu (%)		Khá và Tốt (%)	
			2005	2007	2005	2007	2005	2007
1. CĐSP và ĐH Hùng Vương	93	315	33,5	2	30	29	36,5	69
2. TH Tiểu học	60	142	17	0	13	5	70	95
3. TH THCS	103	177	17,5	0,5	32	9,5	50,5	90
4. Dân tộc nội trú	91	183	20	1	36	13	44	86

Hình 3. So sánh kết quả đánh giá giờ dự qua khảo sát ban đầu 2005 và giám sát hỗ trợ 2007

Kết quả đánh giá giờ dự theo cấp học :

- Các trường CĐSP và Đại học Hùng Vương : Năm 2005 có 33,5% chưa đạt yêu cầu, 36,5% đạt khá và tốt. Năm 2007, có 2% chưa đạt yêu cầu, có 69% đạt loại khá và tốt.
- Các trường THSP Tiểu học : Năm 2005 có 17% chưa đạt yêu cầu, có 70% đạt khá và tốt. Sau 1 năm học, không có giờ học chưa đạt yêu cầu, có 95% giờ học đạt loại khá và tốt.
- Các trường THSP THCS : Năm 2005 có 17,5% chưa đạt yêu cầu, có 50,5% đạt khá và tốt. Năm 2007, có 0,5% chưa đạt yêu cầu, có 90% đạt loại khá và tốt.
- Các trường PTDTNT : Năm 2005 có 20% chưa đạt yêu cầu, có 44% đạt khá và tốt. Sau 1 năm học, có 1% chưa đạt yêu cầu, có 86% đạt loại khá và tốt.

PHẦN III. ĐÁNH GIÁ

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ ÁP DỤNG D&HTC TẠI CÁC TRƯỜNG SP VÀ THỰC HÀNH SP Ở 14 TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

1. Ưu điểm chính :

- 1.1. Cả ba cấp học đã áp dụng D&HTC ở các mức độ khác nhau, từ chỗ chỉ có trong ý thức cho đến có một số GV/gv áp dụng, đến nay tại nhiều tỉnh, nhiều trường , nhiều GV/gv đã áp dụng thành thạo, linh hoạt đạt hiệu quả cao.
- 1.2. Áp dụng D&HTC đã có tác dụng nâng cao chất lượng dạy học, làm thay đổi về bản chất quá trình dạy học, từ việc xác định mục tiêu bài học đến tổ chức các hoạt động dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá.
- 1.3. SV/HS đã tích cực, chủ động tham gia các hoạt động học tập, ở một số giờ dạy SV đã sáng tạo tìm ra cách giải quyết mới không lệ thuộc vào giáo trình.
- 1.4. Áp dụng D&HTC đã trở thành nội dung hoạt động chuyên môn chủ yếu trong các trường học từ TH đến THPT và CĐSP. Nhờ hoạt động chuyên môn thường xuyên đã có tác dụng nâng cao năng lực sư phạm cho đội ngũ GV/gv, giúp GV/gv thực hiện tốt giáo trình và SGK mới.
- 1.5. Hầu hết các giờ dạy đều sử dụng ĐDDH, máy chiếu hắt . Việc sử dụng tương đối thành công TBDH không những giúp SV/HS tiếp thu kiến thức một cách dễ dàng mà còn gây hứng thú học tập cho SV/HS.
- 1.6. Đa số GV,gv thiết kế bài học theo hướng đổi mới , tổ chức dạy học theo kế hoạch bài học. Một số GV đã xây dựng và thực hiện giáo án điện tử.

2. Hạn chế

- 2.1. Một số ít GV/gv chưa hiểu rõ bản chất của D&HTC. Nhận thức về D&HTC còn máy móc, phiến diện, do đó tổ chức các hoạt động dạy - học mang tính hình thức, sử dụng ĐDDH, thiết bị dạy học không hiệu quả. Cụ thể như: Phương pháp dạy học còn đơn điệu, thiếu linh hoạt, hoặc áp dụng chưa có kỹ năng, vì vậy chưa khuyến khích được sự tham gia tích cực của tất cả SV,HS. SV, HS vẫn thụ động, GV/gv vẫn là trung tâm của giờ học, “nói nhiều, làm nhiều”.
- 2.2. Một số GV/gv lên lớp chưa dựa vào đề cương bài giảng, chưa thiết kế kế hoạch bài học theo hướng đổi mới.
- 2.3. Sử dụng thời gian trên lớp chưa khoa học, mất nhiều thời gian cho việc đọc tài liệu, SGK, ghi chép.

II. ĐÁNH GIÁ THEO CẤP HỌC

1. Các trường CĐSP và Đại học Hùng Vương

Dự 315 giờ ở 12 trường CĐSP (trừ tỉnh Lai Châu chưa có CĐSP) và Đại học Hùng Vương, Phú Thọ, kết quả xếp loại có 6 giờ yếu (2%), 90 giờ trung bình (29%) , và 143 giờ khá (45%), 76 giờ tốt (24%) . Như vậy tổng số giờ đạt khá và tốt là 69%. Những số liệu trên đã thể hiện sự thay đổi có tính nhảy vọt của các trường CĐSP và Đại học Hùng Vương qua thời gian thực hiện ĐMPPDH theo hướng tích cực.

1.2. Ưu điểm chính :

- Đa số các trường CĐSP và Đại học Hùng Vương đã nhiệt tình quan tâm đến ĐMPPDH. Nếu như trước đây GV sử dụng phương pháp thuyết trình là chủ yếu thì nay đã kết hợp đa dạng các phương pháp và áp dụng thành thạo D&HTC, như phương pháp động não, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề ,thuyết trình kết hợp đàm thoại, hoạt động nhóm... đã tạo điều kiện cho SV chủ động lĩnh hội kiến thức, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, tự giải quyết vấn đề, liên kết nội dung bài học với thực tế đời sống .
- Một số trường như CĐSP Hà Giang, Hòa Bình đã tổ chức tốt việc đánh giá : Thầy-Trò, Trò-Trò và tự đánh giá.
- Đa số GV là những thầy, cô giáo có nhiều kinh nghiệm trong nghề, có tác phong sư phạm mẫu mực, luôn gần gũi , khuyến khích sự tham gia của sinh viên.
- Hầu hết các giờ dạy đã sử dụng ĐDDH, bảng phụ , thiết bị nghe nhìn (chủ yếu là máy chiếu qua đầu) đạt hiệu quả.
- Nét mới trong các giờ dạy là sự tham gia tích cực của SV vào quá trình học tập, chuẩn bị nghiên cứu bài trước khi đến lớp, sơ đồ hóa những nội dung khó trong giáo trình để đến lớp trình bày, thảo luận.
- Trong sinh hoạt chuyên môn GV đã thể hiện tinh thần hợp tác, chia sẻ cầu thị và mong muốn đổi mới PPDH.
- Nhiều GV đã thiết kế bài học theo tinh thần đổi mới (Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Phú Thọ).Đa số GV thiết kế khá tốt (Hòa Bình , Điện Biên). Một số GV CĐSP đã xây dựng giáo án điện tử (Lạng Sơn). Tổ chức dạy học theo kế hoạch bài học.
- Đã thể hiện PPDH đặc trưng của bộ môn của cấp học (Quảng Ninh).

1.2. Hạn chế.

Qua kết quả đánh giá : 90 giờ trung bình (29%) và 6 giờ yếu (2%) đã bộc lộ những hạn chế của một số GV về khả năng áp dụng D&HTC. Các GV này chưa hiểu rõ bản chất của D&HTC do đó phương pháp dạy học còn đơn điệu , việc áp dụng D&HTC chưa được tổ chức thường xuyên nên còn lúng túng, các bước tiến hành chưa khoa học, mất nhiều thời gian, giờ học không hiệu quả.

Ví dụ như :

- + Hoạt động nhóm còn mang tính hình thức: Thảo luận nhóm không quy định thời gian, không đúng quy trình, nội dung thảo luận đơn điệu, GV chưa quan tâm theo dõi, giúp đỡ các nhóm làm việc, chưa tận dụng kết quả thảo luận nhóm do vậy không phát huy được tính tích cực sáng tạo của SV.
- + Đã áp dụng dạy học vi mô nhưng hiệu quả chưa cao.
- + Việc sử dụng thiết bị DH còn hạn chế, chưa thật hiệu quả. Kỹ năng sử dụng ĐDDH, PTNN chưa thành thạo, chưa phù hợp. Kỹ thuật làm bản trong chưa tốt.
- + Trong đó có GV đã mạnh dạn xây dựng giáo án điện tử nhưng khi thực hiện chưa đạt hiệu quả thậm chí còn bị “cháy giáo án”, một số GV khác vẫn “dạy chay”, ngại sử dụng vì phải tốn công chuẩn bị.
- + Số GV này chưa quan tâm tới đổi mới cách đánh giá.

2. Các trường thực hành sư phạm (TH, THCS, PTDTNT).

Kết quả đánh giá xếp loại ở các trường như sau :

- Các trường TH : 95% số giờ xếp loại khá và tốt .
- Các trường THCS : 90% số giờ đạt loại khá và tốt.
- Các trường PTDTNT : 86% số giờ xếp loại khá và tốt

2.1. Ưu điểm chính

- Áp dụng D&HTC ở các trường thực hành SP(TH, THCS,PTDTNT) đã trở thành nề nếp, trở thành việc làm thường xuyên , đem lại hiệu quả cao, nâng cao chất lượng D&H ở phổ thông.
- Tại các trường từ BGH đến tổ chuyên môn, gv đều nhiệt tình , cố gắng , tìm tòi , sáng tạo trong việc áp dụng D&HTC.
- Hầu hết các giờ dạy đều có kế hoạch bài học theo hướng đổi mới, thực hiện theo kế hoạch bài học, tổ chức các hoạt động nhóm, cá nhân, HS hào hứng tham gia hoạt động học tập. Một số gv đã thực hiện thành công phương pháp trò chơi (Ví dụ : cô Nhung, cô Lựu TH số 2, Lào Cai)
- Với các bộ môn Khoa học tự nhiên , HS đã được trực tiếp tham gia làm thí nghiệm hoặc được học tập ngoài thiên nhiên (Ví dụ TH Vĩnh Trại, Lạng Sơn, TH Lê Văn Tám, THCS Hoàng Hoa Thám, Lào Cai ..)
- Giáo viên đã sử dụng máy chiếu, bảng phụ, đồ dùng trực quan để hỗ trợ minh họa cho giờ dạy có hiệu quả như khai thác hệ thống tranh ảnh, sáng tạo trong việc tận dụng thiết bị của môn này phục vụ cho môn khác hoặc tự làm ĐDDH đơn giản (Lào Cai). Ví dụ giờ dạy Nhạc của cô Hảo (DTNT Lào Cai) và một số giờ dạy ở Hà Giang, Phú Thọ, Lạng Sơn đã sử dụng PTNN phục vụ bài học rất tốt, HS hứng thú học tập.
- Nhiều giờ học được xếp loại tốt hoặc rất tốt , ví dụ như :
 - + Giờ Ôn tập về văn tả cảnh của cô Đào Minh Hà - TH Hùng Vương.
 - + Giờ Thể dục của cô Đinh Thị Thuận - DTNT Thanh Sơn , Phú Thọ.
 - + Giờ Vật lý của cô Nguyễn Thị Minh, giờ Thể dục của thầy Đỗ Bá Quân, trường DTNT Thái Nguyên.
 - + Giờ âm nhạc của thầy Cao Hồng Phương, Trường ĐH Hùng Vương, Phú Thọ
 - + Giờ Sinh lí thực vật của cô Vũ Thị Hoàn , CĐSP Lạng Sơn.

Giờ dạy của các giáo viên như : Lí Phương Linh, Nguyễn Thúy Quỳnh , THCS Đoàn Kết , Lào Cai ; Lí Thị Ninh, Đinh thị Ái, DTNT Tam Đường Lào Cai và rất nhiều các giờ dạy tốt khác.

2.2. Hạn chế

Ngoài các ưu điểm đã nói trên một số giờ dạy khác còn bộc lộ nhiều hạn chế, thể hiện rõ nhất là :

- Việc tổ chức hoạt động còn mang tính hình thức, chưa có kĩ năng tổ chức hoạt động nhóm: giao nhiệm vụ không rõ ràng, chưa quan tâm đến tất cả HS làm việc trong nhóm , chưa động viên khích lệ HS, chưa chú ý chỉ đạo các nhóm luân chuyển nhóm trưởng, thu kí, chưa tạo cơ hội cho những HS thụ động tham gia hoạt động .

- Còn lúng túng trong việc sử dụng các PTDH.

Ví dụ sử dụng máy chiếu hết suốt 45 phút thay cho bảng, phấn, sách giáo khoa.

- Còn có gv vẫn dạy “chạy”.

IV. KIẾN NGHỊ VỚI LÃNH ĐẠO NHÀ TRƯỜNG VỀ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ VỀ VIỆC ỨNG DỤNG D&HTC

1. Kiến nghị với lãnh đạo các trường CĐSP và Đại học Hùng Vương.

- Tiếp tục thực hiện ĐMPPDH theo hướng tích cực.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, hội thảo về các chuyên đề:
 - + Đặc trưng về D&HTC ở trường SP, những điểm giống và khác so với các trường thực hành sư phạm.
 - + Ứng dụng D&HTC phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của địa phương và SV dân tộc thiểu số.
 - + Ứng dụng dạy học vi mô trong đào tạo giáo viên.
 - + Ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị nghe nhìn trong dạy học.
 - + Sử dụng ĐDDH có hiệu quả.
- Đưa việc thực hiện D&HTC thành tiêu chí đánh giá GV hàng năm.
- Khuyến khích tăng cường kiểm tra đánh giá việc thực hiện ứng dụng D&HTC của GV sao cho D&HTC được ứng dụng thường xuyên trong các môn học.

2. Kiến nghị với lãnh đạo các trường thực hành sư phạm (TH, THCS, PTDTNT)

BGH cần quan tâm hơn nữa, tạo điều kiện và có biện pháp động viên GV ứng dụng D&HTC.

- Song song với ứng dụng D&HTC cần nâng cao trình độ chuyên môn cho GV. Tiếp tục bồi dưỡng GV để hiểu sâu bản chất của D&HTC và tăng cường thực hành, nâng cao kỹ năng sử dụng ĐDDH, TBDH.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn với các hình thức như thăm lớp, dự giờ rút kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau.
- Tổ chức các hội thảo về D&HTC, về thiết kế kế hoạch bài học theo hướng đổi mới, về sử dụng PTNN, TBDH để GV có điều kiện trao đổi kinh nghiệm.
- Khuyến khích, động viên GV, HS làm ĐDDH, sưu tầm tư liệu phục vụ Dạy - Học.
- Phát động phong trào thi đua ứng dụng D&HTC đưa việc thực hiện D&HTC thành tiêu chí đánh giá GV hàng năm.

V. KIẾN NGHỊ & ĐỀ XUẤT VỚI BQL DỰ ÁN VỀ TĂNG CƯỜNG ÁP DỤNG D&HTC

1. Phối hợp với lãnh đạo các trường hỗ trợ GV/gv để duy trì và đẩy mạnh việc áp dụng D&HTC ở địa phương.
2. Phối hợp với các Sở GD&ĐT, các VPDA tỉnh để thống nhất cách chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện D&HTC và mở rộng phạm vi áp dụng D&HTC tới tất cả các trường TH, THCS trong tỉnh.
3. Tăng cường giám sát, hỗ trợ thường xuyên, định kỳ cử các đoàn chuyên gia giám sát, hỗ trợ của DA về địa phương.
4. Trang bị thêm TBDH, phương tiện DH hiện đại, tài liệu, băng đĩa, đĩa hình minh họa các tiết dạy tốt. . .
5. Tập huấn về sử dụng Công nghệ thông tin trong dạy học, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng TBDH bộ môn, bồi dưỡng kỹ năng đánh giá cho GV/gv.
6. Có biện pháp tổ chức đánh giá các trường trong việc thực hiện, duy trì và phát triển kết quả dạy học tích cực.
7. Ưu tiên về mọi mặt cho các trường DTNT như: cung cấp trang thiết bị, số lượng GV được tham gia các lớp tập huấn ...
8. Quan tâm hơn nữa đến những tỉnh tham gia Dự án Việt - Bỉ Pha 2.

Thay cho lời kết

- Việc ĐMPPDH theo hướng tích cực tại các trường SP và thực hành sư phạm ở 14 tỉnh miền núi phía Bắc đã đạt được những thành tích đáng khích lệ. Có được những thành công này phải kể đến sự chỉ đạo, hợp tác, hỗ trợ tích cực của các Sở GD&ĐT, các trường SP, các trường thực hành sư phạm (TH, THCS, PTDTNT) và sự hưởng ứng tích cực của GV/gv, SV/hs của các trường tham gia DA.
- Phát huy những kết quả và khắc phục những hạn chế trên, chúng tôi hy vọng trong năm học tới 2007-2008 sẽ thu được nhiều thành công tốt đẹp trong việc áp dụng D&HTC tại 14 tỉnh tham gia dự án.

Xin chân thành cảm ơn!

Nguồn số liệu, tư liệu đã sử dụng:

1. Ban Quản lí DA Việt Bỉ :
 - Công văn gửi Lãnh đạo các Sở GD&ĐT, Hiệu trưởng các trường CĐSP, trường thực hành (TH, THCS, PTDTNT) về việc đoàn chuyên gia của DA kiểm tra và hỗ trợ áp dụng DHTC tại 14 tỉnh miền núi phía Bắc.
 - Nhiệm vụ , yêu cầu đối với chuyên gia kiểm tra, hỗ trợ áp dụng D&HTC tại 14 tỉnh.
2. Đào thị Hồng :Báo cáo tổng hợp của trưởng nhóm về kết quả kiểm tra, hỗ trợ áp dụng D&HTC tại Lào Cai, Lai Châu.
3. Cao Đức Tiến : Báo cáo tổng hợp của trưởng nhóm về kết quả kiểm tra, hỗ trợ áp dụng D&HTC tại Hà Giang, Tuyên Quang.
4. Bùi Phương Nga : Báo cáo tổng hợp của trưởng nhóm về kết quả kiểm tra, hỗ trợ áp dụng D&HTC tại Quang Ninh, Phú Thọ.
5. Nguyễn Phương Nga : Báo cáo tổng hợp của trưởng nhóm về kết quả kiểm tra, hỗ trợ áp dụng DHTC tại Lạng Sơn.
6. Hàn Nguyệt Kim Chi : Báo cáo tổng hợp của trưởng nhóm về kết quả kiểm tra, hỗ trợ áp dụng D&HTC tại Điện Biên, Sơn La.
7. Vũ Thị Ngọc Anh : Báo cáo tổng hợp của trưởng nhóm về kết quả kiểm tra, hỗ trợ áp dụng D&HTC tại Thái Nguyên, Yên Bái.
8. Văn Lệ Hằng : Báo cáo tổng hợp của trưởng nhóm về kết quả kiểm tra, hỗ trợ áp dụng D&HTC tại Hòa Bình, Cao Bằng, Bắc Kạn.

Hà Nội, ngày 5/8/2007
Người tổng hợp báo cáo
Nguyễn Phương Nga